

# VỀ CÁC NHÀ KHOA HỌC VIỆT NAM TỪNG LÀ THÀNH VIÊN CỦA HỌC VIỆN VIỄN ĐÔNG BẮC CỎ

Ngô Thế Long <sup>(\*)</sup>

**Tóm tắt:** Học viện Viễn Đông Bắc cỏ (École française d'Extrême-Orient - EFEO, 1898-1957) là cơ quan đầu tiên nghiên cứu văn hóa và khoa học nhân văn trên thực địa vùng Viễn Đông, trong đó có ba nước Đông Dương. Trong 60 năm đặt trụ sở tại Việt Nam, bên cạnh những học giả người Pháp tinh thông Hán tự và Việt ngữ, đã được đào tạo bài bản, chính quy ở các trường đại học và các viện khoa học lớn ở Paris, EFEO còn có những nhân viên khoa học người Việt có vốn tri thức uyên bác và khả năng nghiên cứu ưu việt, có thể nói đó là những nhà Việt Nam học người Việt đầu tiên. Mặc dù tên tuổi của họ không phải đã được ghi danh trong tất cả các xuất bản phẩm của EFEO, bởi họ chỉ giữ những chức vụ khiêm tốn theo quy chế nhân sự của EFEO, nhưng nhiều người trong số họ đã được giới trí thức của Pháp và Việt Nam đương thời và sau này nể trọng. Bài viết giới thiệu về một số nhà khoa học Việt Nam đã từng làm việc tại EFEO trong giai đoạn đặt trụ sở tại Hà Nội.

**Từ khóa:** Học viện Viễn Đông Bắc cỏ, EFEO, Trí thức, Nhà khoa học, Khoa học xã hội, Khoa học nhân văn, Việt Nam học, Đông Dương

**Abstract:** The French School of the Far East (École française d'Extrême-Orient - EFEO, 1898-1957) was the first agency for Far East cultural and humanity studies, inclusive of three Indochinese countries. Through its 60 years of existence in Vietnam, apart from French scholars proficient in Chinese and Vietnamese, who were formally trained at universities and major scientific institutes in Paris, EFEO also located Vietnamese staff with erudite knowledge and excellent research ability, also known as the first generation of Vietnamese scholars on Vietnamese studies. Although their names were not necessarily included in all EFEO publications as they held modest positions according to the EFEO personnel regulations, many of them have thereafter been highly recognized by both the French and Vietnamese intellectuals. The paper introduces some Vietnamese scholars who worked for the EFEO during its residence time in Hanoi.

**Keywords:** École Française d'Extrême-Orient - EFEO, Intellectuals, Scholars, Social Sciences, Humanities, Vietnamese Studies, Indochina

---

<sup>(\*)</sup>Nguyên cán bộ Viện Thông tin Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam;  
Email: longngothe08@yahoo.com

## Mở đầu

Ngày từ khi thành lập năm 1898, cùng với các thành viên người Pháp, EFEO đã có thành viên là người Việt (Léon Vandermeersch, 1995: 27), nhưng số lượng còn hạn chế. Đến năm 1920, theo Sắc lệnh ngày 03/4 của Tổng thống Pháp Paul Déchanel, EFEO chính thức được phép tuyển các trợ lý, thư ký, văn thư, nhà nho tinh thông chữ Hán, chữ Nôm, phiên dịch, nhân viên kỹ thuật phụ giúp cho các thành viên Ban Khảo cổ, các họa sĩ, thợ ảnh, thợ dập bia, các nghệ nhân (điều khắc, thợ đúc, thợ đắp tượng, những người phụ việc ở phòng ảnh, thợ đóng sách) và các nhân viên phục vụ như lái xe, bảo vệ, làm vườn, tạp dịch... là người bản xứ (hầu hết là người Việt). Nghị định ngày 07/10/1929 của Toàn quyền Đông Dương Pierre Pasquier đã ban hành quy chế chi tiết hơn về nhân sự người châu Á trong khung nhân sự thường trực và nhân sự hợp đồng của EFEO. Tuy nhiên, phải đến năm 1939, Tổng thống Pháp Albert Lebrun mới ra Sắc lệnh ngày 29/7 quy định về việc đưa người Đông Dương là công dân thuộc địa và công dân bảo hộ vào khung nhân sự khoa học của EFEO, nhưng các thành viên khoa học này chỉ nhận được khoản tiền lương bằng 10/17 tiền lương (bằng đồng bạc Đông Dương) của viên chức người Pháp cùng bậc. Tiến sĩ Nguyễn Văn Huyền là thành viên khoa học thường trực người Việt đầu tiên ở EFEO; các ông Nguyễn Văn Tố, Trần Văn Giáp, Nguyễn Văn Khoan, Nguyễn Thiệu Lâu là trợ lý (assistant) của EFEO; ông Cung Văn Trung, tốt nghiệp khóa 1 Trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương, là họa sĩ của Bảo tàng Louis Finot thuộc EFEO (nay là Bảo tàng Lịch sử Quốc gia) (Xem thêm: Nguyễn Thiệu Lâu, 1970; Léon Vandermeersch, 1995; Phuong, 2006; Ngô Thế Long, 2008; Ngô Thế Long, Trần Thái Bình, 2009; Tessier, 2014). Bài viết giới thiệu về một số nhà khoa học người Việt ấy.

**1. Nguyễn Văn Tố<sup>1</sup>** (1889-1947), tự Ứng Hòa, là nhà nghiên cứu nhiều lĩnh vực khoa học nhân văn khác nhau. Ông sinh tại thôn Đông Thành thuộc tổng Tiên Túc, huyện Thọ Xương (nay là phường Cửa Đông, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội). Nguyễn Văn Tố là một trong những thành viên người Việt đầu tiên làm việc tại EFEO từ năm 1905, với năng lực về tiếng Pháp, văn học Hán Nôm và sử học<sup>2</sup>.

Ngày từ khi vào Học viện, Nguyễn Văn Tố đã có những đóng góp giá trị trong bộ sách *Tổng sách dẫn và mục lục* của Tập san EFEO *Bulletin de l'École française d'Extrême-Orient (BEFEO)*, dày 275 trang. Năm 1921, bộ sách này được in dùng làm bảng tra cứu, công cụ chỉ dẫn cho các nhà nghiên cứu. Ông đã viết nhiều công trình nghiên cứu về ngôn ngữ, văn học và sử học Việt Nam. Nhiều công trình đã được EFEO xuất bản, trong đó có *L'argot annamite de Hanoi* (Tiếng lóng ở Hà Nội) được đăng tải trên Tạp chí *Nghiên cứu Châu Á* (Études asiatiques) nhân kỷ niệm 25 năm thành lập EFEO. Nhờ đó, ông đã được bổ nhiệm là trợ lý (Assistant) bậc 1<sup>3</sup>. Ông là một trong những thành viên sáng lập Viện Nghiên cứu về Con người Đông Dương (Institut

<sup>1</sup> Xem thêm: Durand (1960); Nguyễn Thiệu Lâu (1970; 1994); Phuong (2006); Ngô Thế Long (2008); Ngô Thế Long, Trần Thái Bình (2009); Léon (1995); Ngô Thế Long (2016); Lê Minh Anh (2017); Vũ Văn Thuấn (chủ biên, 2020).

<sup>2</sup> Năm 16 tuổi (1905), sau khi nhận bằng Thành Chung ở Trường Thông ngôn (Collège des interprètes de Hanoi), Nguyễn Văn Tố được Alfred Foucher, Quyền Giám đốc EFEO lúc đó, tuyển chọn làm Phán sự tạm tuyển (Secrétaire temporaire). Đến khi đỗ đầu trong kỳ thi ngạch Phán sự - Thông dịch (Secrétaire Interprète) do Tòa Thống sứ Bắc kỳ tổ chức (ngày 11/12/1905), Nguyễn Văn Tố đã được chính thức làm việc tại EFEO theo ngạch Phán sự - Thông dịch phụ tá bậc 4 (Secrétaire Interprète Auxiliaire de 4e classe), kể từ ngày 01/7/1906 (Xem: Ngô Thế Long, 2016: 18).

<sup>3</sup> Xem: BEFEO, Chronique, 1930, pp.189.

indochinois pour l'étude de l'homme) - được thành lập theo Nghị định số 619 ngày 03/02/1938 của Toàn quyền Đông Dương. Đây là một liên kết tri thức giữa ngành khoa học xã hội và nhân văn của các thành viên nghiên cứu dân tộc học thuộc EFEO và ngành Nhân học và Giải phẫu học của trường Đại học Y Hà Nội nhằm “tăng cường sự hiểu biết về nhân chủng ở vùng Viễn Đông cả về mặt thể xác và mặt xã hội” (Xem: Ngô Thế Long, Trần Thái Bình, 2009; Ngô Thế Long, 2016).

Nguyễn Văn Tố có nhiều buổi thuyết trình bằng tiếng Pháp tại Bảo tàng Louis Finot (nay là Bảo tàng Lịch sử Quốc gia), chủ yếu về nghệ thuật cổ Việt Nam. Ông là giảng viên về Biên niên sử các sự kiện quan trọng trong lịch sử Việt Nam của các lớp học do EFEO tổ chức<sup>1</sup>.

Nguyễn Văn Tố có nhiều bài nghiên cứu trong các lĩnh vực khác nhau bằng tiếng Pháp và tiếng Việt đăng trên các tạp chí ngoài EFEO<sup>2</sup> như: *Bulletin de la Société*

*d'enseignement mutuel du Tonkin* (Bản tin của Hội Trí Tri), *Revue Judiciaire Franco-Annamite* (Pháp Viện báo), *Indochine Hebdomadaire Illustré* (IHI), *Indochine* (Tuần báo Đông Dương), *Nam Phong*, *Đông Thanh tạp chí*, *Thanh Nghị*, *Tri Tân*, *Tương lai xứ Bắc Kỳ* (*Avenir du Tonkin*), *Nước Nam mới* (*Annam nouveau*), *Tao đàn*,...

Nguyễn Văn Tố còn là Chủ tịch các hội như: Hội Trí Tri (Société d'Enseignement Mutuel du Tonkin), Hội Truyền bá Quốc ngữ (Association pour la diffusion du Quoc ngu),...

Trong những năm làm việc ở EFEO (1905-1945), Nguyễn Văn Tố từ một nhân viên phụ tá (Assistant) đã sớm trở thành một học giả uyên bác, nổi tiếng thông kim bác cổ, là người chủ chốt trong nhiều lĩnh vực của EFEO, được các đồng nghiệp cả người Pháp và người Việt kính trọng và nể phục. Ông Paul Mus, đồng nghiệp với Nguyễn Văn Tố tại EFEO, người đã hai lần giữ vị trí Quyền Giám đốc EFEO, gọi Nguyễn Văn Tố là Thổ thần (Génie du lieu) của EFEO. Nguyễn Thiệu Lâu, cộng sự của Nguyễn Văn Tố tại EFEO, thuật lại lời của bác sĩ Pierre Huard (Giám đốc Viện Giải phẫu) như sau: “Ông Giám đốc George Coedès (của EFEO) chẳng phải làm việc gì cả, chính ông Tố làm đủ các công việc. Đó là một sự thật mà ai cũng phải công nhận”. Ông Coedès cũng đã từng nhận xét: “Ông Tố đã học giỏi lại tốt bụng. Nếu tôi không có ông ấy phụ tá thời tôi làm nhân viên còn hơn làm giám đốc, để được nhẹ mình” (Nguyễn Thiệu Lâu, 1994: 30, 33).

Sau Cách mạng tháng Tám, Nguyễn Văn Tố giữ chức Bộ trưởng Bộ Cứu tế xã hội, rồi được bầu là đại biểu Quốc hội và Trưởng ban thường trực Quốc hội khóa 1, sau đó là Quốc vụ khanh của Chính phủ. Ông mất tại tỉnh Bắc Kạn tháng 10/1947 trong một trận chiến với quân Pháp. Tên ông được đặt cho nhiều con đường ở nhiều địa phương tại Việt Nam.

<sup>1</sup> Xem thêm: *Bulletin de l'Institut indochinois pour l'étude de l'homme* (BIIEH), các số từ 1 đến 6.

<sup>2</sup> *Bản tin* của Hội Trí Tri: “Giảng dạy đạo đức” (1931), “Nghiên cứu khoa học các tôn giáo” (1933), “Các bài thơ chưa xuất bản thời Nhà Lê” (1934), “Sự nghiệp của Nguyễn Văn Vĩnh” (1936), “Pétronius Ký” (1837-1838) (1937)...; *Pháp viện báo*: “Mấy cái vấn đề về tục lệ nước Nam” (1931, 1932), “Luật câu thúc thân thể đối với người bản xứ về dân sự và thương sự” (1931),...; *Nam Phong tạp chí*: “Cá nhân trong xã hội Việt Nam cổ” (Luận văn của Nguyễn Mạnh Tường) (1930), “Về vấn đề lòng yêu nước và chủ nghĩa dân tộc” (1930), “Đạo đức Việt và đạo đức phương Tây” (1930), “Về vấn đề lịch sử và khảo cổ của Việt - Chăm, Đạo đức và tôn giáo” (1934),...; *Tuần báo Đông Dương*: “Cha cố Alexandre de Rhodes và việc phiên âm ra chữ Quốc ngữ” (1941), “Nước Việt cổ trước văn hóa Pháp” (1942), “Hội Trí Tri Bắc kỳ” (1942), “Giám mục d'Adran (Bá Đa Lộc) và Hoàng đế Gia Long” (1942), “Giải thưởng văn học Đông Dương - Tác phẩm của R. P. Cadière” (1945), “Sách Tàu và sách Nam” (1945),... (Xem: Ngô Thế Long, 2016: 18).

**2. Nguyễn Văn Khoan<sup>1</sup> (1890-1975)<sup>2</sup>** là nhà nghiên cứu về đời sống văn hóa và tinh thần của người Việt ở đồng bằng Bắc bộ. Ông sinh tại làng Yên Mẫn, huyện Võ Giàng, Bắc Ninh (nay thuộc phường Kinh Bắc, thành phố Bắc Ninh). Sau khi tốt nghiệp loại ưu của Trường Trung học Bảo hộ<sup>3</sup>, ông được tuyển dụng làm việc tại các cơ quan của Pháp và EFEO từ năm 1913. Với sự tinh thông về tiếng Hán, tiếng Pháp và hiểu biết về văn hóa dân gian, năm 1930, Nguyễn Văn Khoan được bổ nhiệm là trợ lý của Học viện (assistant)<sup>4</sup> và phụ trách Phòng tư liệu châu Âu của Thư viện EFEO. Các nghiên cứu của ông (về ngôi nhà chung - Đình) là “tài liệu tốt” mà theo cách nào đó nó đã tiết lộ “một dân tộc thực tế là hoàn toàn bí mật và bí ẩn trước khi châu Âu đến” (Phuong, 2012: 48). Cùng với Nguyễn Văn Tố, Nguyễn Văn Huyền, Trần Hàm Tấn,... Nguyễn Văn Khoan là một trong các “annamitisans” - nhân viên Việt Nam nòng cốt của EFEO.

Trong thời gian làm việc tại EFEO, Nguyễn Văn Khoan được nhiều nhà khoa học Pháp tôn trọng về tri thức và tư cách<sup>5</sup>.

<sup>1</sup> Xem thêm: Kleinen (2014); Phuong (2006); Ngô Thế Long (2008; 2009; 2016); Ngô Thế Long, Trần Thái Bình (2009); Léon (1995).

<sup>2</sup> Theo *Annuaire administratif de l'Indochine* (1935: 386), ông Khoan sinh ngày 21/3/1889.

<sup>3</sup> *Lycée du Protectorat*, thường được gọi là Trường Bưởi, nay là Trường Trung học phổ thông Chu Văn An (Hà Nội).

<sup>4</sup> Xem thêm: *Bulletin de l'Ecole française d'Extrême-Orient*, Tome 30, 1930.

<sup>5</sup> Paul Mus (1902-1969) đánh giá ông là con người tinh thông, kín đáo, thận trọng và tử tế, là “Chuyên gia phân tích độc đáo về thờ cúng”; còn theo Pierre Gourou (1900-1999), nhà địa lý người Pháp, Nguyễn Văn Khoan là “một người bạn tuyệt vời”, là người thầy dạy tiếng Việt và có nhiều tư liệu giúp cho Pierre Gourou viết cuốn sách nổi tiếng *Les paysans du delta tonkinois* (Người nông dân châu thổ Bắc Kỳ) (Dẫn theo: Phuong, 2006).

Ông là một trong những thành viên sáng lập của Viện Nghiên cứu về Con người Đông Dương<sup>6</sup>.

Ông có nhiều bài viết bằng tiếng Pháp đăng tải trên *BEFEO*<sup>7</sup> của EFEO và Tập san *Bulletin de l'Institut indochinois pour l'étude de l'homme (BIIEH)*<sup>8</sup> của Viện Nghiên cứu về Con người Đông Dương. Ông đã được trao tặng Huân chương Cảnh cộ Hàn lâm của Pháp (Ordre des Palmes Académiques). Khi Đông phương Bác cổ Học viện (Vietnam Oriental Institute) được thành lập năm 1945, ông được cử là thành viên trong Hội đồng cố vấn của cơ quan này và làm việc ở đây cho đến khi nghỉ hưu<sup>9</sup>. Ông mất tháng 02/1975 tại Hà Nội.

<sup>6</sup> Các thành viên người Việt sáng lập tổ chức này là: Nguyễn Văn Huyền, Nguyễn Văn Khoan, Nguyễn Văn Tố, Trần Văn Giáp (EFEO), Nguyễn Xuân Nguyên, Tôn Thất Tùng (Trường Y-Dược). Chủ tịch của Viện là Giám đốc EFEO, hai phó Chủ tịch là Giám đốc Viện Giải phẫu và Trưởng ban Dân tộc học của EFEO. Thành viên cố vấn người Việt là: Tiến sĩ Nguyễn Văn Huyền, các bác sĩ Nguyễn Xuân Nguyên, Đỗ Xuân Hợp và ông Nguyễn Văn Tố (Xem: Ngô Thế Long, 2016).

<sup>7</sup> Xem: *Essai sur le Dinh et le culte du génie tutélaire des villages au Tonkin* (Tiểu luận về đình và việc thờ cúng thành hoàng làng tại các làng xã Bắc kỳ) (1930); *Le repêchage de l'âme, avec une note sur les hôn et les phách d'après les croyances tonkinoises actuelles* (Gọi hồn, ghi chú về hồn và phách theo tín ngưỡng của người Bắc kỳ hiện nay) (1933);...

<sup>8</sup> Xem: *Croyances tonkinoises relatives à la protection de l'enfance* (Những tín ngưỡng Bắc kỳ liên quan tới việc bảo vệ trẻ em): *La vente des enfants aux génies* (Bán khoán) (1938); *Le don de l'enfant à une personne étrangère* (Cho con làm con nuôi) (1939); *Des heures néfastes pour les enfants* (Giờ xấu đối với trẻ em) (1940); *De la prestation de serments chez les Annamites* (Về lời khấn của người Việt) (1942);...

<sup>9</sup> Xem: *Việt Nam Dân quốc Công báo*, số ra ngày 23/2/1946, tr. 105.

**3. Trần Văn Giáp<sup>1</sup>** (1896-1973) tự Thúc Ngọc, là nhà văn khắc học, sử học và thư tịch học. Ông sinh tại Hà Nội, quê gốc ở làng Từ Ô, xã Tân Trào, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương; xuất thân từ một gia đình khoa bảng, cha là Trần Văn Cận - một nhà Nho tuy đã đỗ cử nhân nhưng chỉ ở nhà làm ruộng và dạy học. Nhờ có vốn chữ Hán, năm 1920, Trần Văn Giáp vào làm công việc chép sách thuê cho Thư viện EFEO. Năm 1927, ông được Giám đốc EFEO đưa sang Pháp để dịch sách và làm trợ giáo ở Khoa tiếng Việt của Trường Ngôn ngữ phương Đông (École des Langues Orientales). Trong thời gian ở Pháp, với nỗ lực của bản thân, ông đã theo học tại Khoa Ngữ văn học Pháp; bảo vệ luận văn *Le bouddhisme en Annam des origines au XIIIème siècle* (Phật giáo Việt Nam từ khởi thủy đến thế kỷ XIII) tại Trường Cao học Thực hành (École Pratique des Hautes Études) ở Sorbonne (năm 1931) và luận văn *Les chapitres bibliographiques de Lê Quý Đôn et de Phan Huy Chú* (Thư tịch Lê Quý Đôn và Phan Huy Chú) tại Viện Cao học Hán học ở Paris (Institut des Hautes Études Chinoises de Paris). Các luận văn này sau đó được đăng tải trên tập san của EFEO. Trở về Hà Nội năm 1933, ông tiếp tục làm việc tại EFEO, được giao quản lý các kho sách Hán - Nôm và sách Trung Quốc cổ, chịu trách nhiệm theo dõi việc in bảng kiểm kê kho chữ Hán (Inventaire du fonds Chinois). Ông dành nhiều năm đi sâu nghiên cứu về cổ học, chữ Nôm, lịch sử Phật giáo, đặc biệt là thư tịch học Việt Nam và đã công bố các công trình như *Di tích văn hóa người Chiêm Thành ở Bắc kỳ* (1934), *Xung quanh các văn bia tại Văn Miếu Hà Nội* (1940), *Lược khảo về khoa cử Việt Nam* (1941), *Kinh Phật Việt Nam* (1943),...

Trần Văn Giáp cũng là thành viên sáng lập Viện Nghiên cứu về Con người Đông

Dương và có nhiều bài viết trên tập san của Viện (Xem: Ngô Thế Long, 2016). Ngoài công việc tại EFEO, ông còn tham gia nhiều hoạt động xã hội khác, như phụ trách Tạp chí *Đuốc tuệ* của Hội Phật giáo Bắc kỳ, biên soạn sách giáo khoa cho Hội Truyền bá Quốc ngữ,...

Năm 1945, khi Việt Nam giành độc lập, Trần Văn Giáp tham gia các hoạt động cách mạng, đặc biệt ông đã góp phần tích cực vào việc bảo vệ kho sách của Thư viện EFEO. Năm 1946, ông đi theo Chính phủ kháng chiến và công tác ở Bộ Giáo dục. Sau một thời gian sang làm việc ở Trung Quốc để bổ sung cho thư mục sách chữ Hán viết về Việt Nam, trở về nước ông làm việc tại Ban Nghiên cứu Văn Sử Địa và sau đó công tác tại Viện Sử học, nghỉ hưu năm 1970.

Trần Văn Giáp là tác giả của nhiều cuốn sách nghiên cứu, sách khảo dịch, sách dịch và nhiều bài tạp chí như *Lược truyện các tác giả Việt Nam* (2 tập), *Nguyễn Trãi toàn tập, Từ điển tiếng Việt, Bích Câu Kỳ Ngộ, Văn Đài loại ngữ*,... Tác phẩm cuối cùng của ông là *Tìm Hiểu Kho sách Hán Nôm - nguồn tư liệu văn học và sử học Việt Nam*<sup>2</sup>.

Trần Văn Giáp đã được Nhà nước Việt Nam truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về khoa học xã hội đợt 2 năm 2000 với công trình *Tìm hiểu về kho sách Hán Nôm* (2 tập). Ông mất tháng 11/1973 tại Hà Nội. Tên của ông được đặt cho một con đường tại thành phố Hải Dương - quê hương ông.

**4. Nguyễn Thiệu Lâu<sup>3</sup>** (1916-1967) là nhà địa lý học, sử học và văn học. Ông sinh

<sup>1</sup> Xem thêm: Phuong (2006); Ngô Thế Long (2008); Ngô Thế Long (2009); Ngô Thế Long, Trần Thái Bình (2009); Léon (1995); Lê Minh Anh (2017).

<sup>2</sup> Bộ sách gồm 2 tập: Tập I xuất bản năm 1971 (Thư viện Quốc gia), tái bản năm 1984 (Nxb. Văn hóa); Tập II xuất bản năm 1990 (Nxb. Khoa học xã hội). Đây là một thư tịch chí, bao quát 428 tác phẩm văn học và sử học Việt Nam từ xưa cho đến đầu thế kỷ XX (gấp 2 lần số sách được nêu trong *Văn tịch chí* của Phan Huy Chú và gấp 4 lần số sách được nêu trong *Nghệ văn chí* của Lê Quý Đôn) (Xem: Lê Anh Minh, 2017).

<sup>3</sup> Tài liệu tham khảo chính: Nguyễn Thiệu Lâu (1970).

tại làng Mộc Hạ Đình, tổng Khương Đình, huyện Thanh Trì, tỉnh Hà Đông (nay là phường Khương Đình, quận Thanh Xuân, Hà Nội).

Sau khi học ở Trường Trung học Bảo hộ và thi đỗ tú tài toàn phần Pháp năm 1935 tại Trường Albert Sarraut, ông sang Pháp học tại Đại học Sorbonne, Paris từ năm 1936-1939 và đã có được 5 chứng chỉ khoa học trong khoảng thời gian này: *Histoire moderne et Contemporaine* (Lịch sử cận đại và hiện đại); *Géographie économique* (Địa lý kinh tế); *Géographie* (Địa lý học); *Géographie coloniale* (Địa lý thuộc địa); *Littérature française* (Văn học Pháp).

Cuối năm 1939, Nguyễn Thiệu Lâu về nước và giảng dạy tại trường Khải Định (nay là Trường Trung học Phổ thông Chuyên Quốc học, Huế). Trong thời gian công tác tại đây, ông đã có những buổi đàm luận với học giả Đào Duy Anh và Linh mục Cardière về lịch sử và địa lý vùng cố đô Huế, gặp các chí sĩ tiền bối Phan Bội Châu và Huỳnh Thúc Kháng. Năm 1941, Nguyễn Thiệu Lâu được tuyển làm trợ lý tại EFEO chuyên khảo cứu về sử địa. Thời gian này, ông cộng tác và viết bài cho các báo *Thanh Nghị*, *Tri Tân*,... và dạy học tại các tư thục tại Hà Nội như Gia Long, Thăng Long và Louis Pasteur. Ông cũng là một trong những thành viên của Viện Nghiên cứu về Con người Đông Dương (Institut Indochinois pour l'étude de l'homme), có nhiều buổi thuyết trình và các bài viết trên Tập san của Viện (BIIEH).

Nguyễn Thiệu Lâu có nhiều bài viết bằng tiếng Pháp trên các tập san *BIIEH*, *Bulletin des Amis du Vieux Hué* (*BAVH*). Trong thời gian là cộng tác viên của báo *Thanh Nghị* (1940-1945), ông cũng có hơn 20 bài viết bằng tiếng Việt về địa lý, lịch sử, dân số, đặc biệt là các sử liệu thời nhà Lê, nhà Nguyễn.

Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, Nguyễn Thiệu Lâu được cử làm Trưởng ban

Ban Ngoại kiều vụ, trực thuộc Bộ Ngoại giao và Giám đốc Nha Thống kê Việt Nam thuộc Bộ Quốc dân Kinh tế và sau đó thuộc Chủ tịch phủ; đồng thời cũng là thành viên trong Hội đồng cố vấn của Đông Phương Bắc cổ Học viện năm 1945. Năm 1950, ông làm Tổng thư ký trường Đại học Luật Khoa, phụ trách thư viện của trường và dạy môn sử - địa và văn chương Pháp tại các tư thục Khai Thành, Hàn Thuyên và Louis Pasteur.

Năm 1954, Nguyễn Thiệu Lâu chuyển công tác vào trường Đại học Văn khoa, Sài Gòn, tiếp tục công việc ở thư viện và dạy sử, địa. Thời gian này, ông cộng tác với báo *Công Lý* (1955), *Bông Lúa* (1955), *Văn Nghệ Tập san* (1956) và *Chỉ Đạo* (1956). Từ năm 1958-1960, ông làm công chức tại Bộ Thông tin, đồng thời phụ trách việc dạy sử ký và địa lý hằng tuần trên Đài Phát thanh Quốc gia và cộng tác với báo *Bách Khoa*. Từ năm 1963-1965, ông làm việc tại Viện Khảo cổ Sài Gòn.

Cuốn *Quốc sử tạp lục* của Nguyễn Thiệu Lâu xuất bản năm 1969 (Nhà sách Khai Trí), tái bản năm 1994 (Nxb. Mũi Cà Mau). Ông mất tháng 8/1967 tại Sài Gòn. Tên của ông được đặt cho một đường phố tại quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh.

**5. Trần Hàm Tấn<sup>1</sup>** (1887-1957), tự Thứ Ngọc, quê gốc tại Hưng Yên, sinh ra ở Hà Nội. Ông học Hán văn và được nhận làm cộng tác viên của EFEO từ năm 1913. Tại EFEO, ông làm công việc sao lại những sắc phong và in các bản rập văn bia. Sau khi theo học thêm tiếng Pháp và nghiên cứu Hán - Nôm, ông chính thức được nhận vào làm việc tại EFEO từ tháng 10/1920. Trong 37 năm làm việc cho EFEO, Trần Hàm Tấn đã hoàn thành các công việc của một học giả Nho học: sao chép tài liệu viết tay và các sách chữ Hán, rập văn bia, phân loại và lên danh mục những cuốn sách trong kho sách chữ Hán, chữ Nhật và chữ Việt, nghiên

<sup>1</sup> Xem: Durand (1960).

cứu thư tịch học; được giao phụ trách Ban Nho giáo của EFEO (Durand, 1960: 180).

Ngoài ra, Trần Hàm Tấn còn nổi tiếng với tư cách là một nhà giáo, nhà văn và chuyên gia về y học Hán - Việt, thầy thuốc đông y chữa miễn phí cho bệnh nhân nghèo. Ông là trưởng bộ phận nghiên cứu của Hiệp hội Đông y. Trước Hiệp định Genève (1954), ông giảng dạy các khóa học về y học cổ truyền tại Khoa Y Dược hỗn hợp Hà Nội. Với tư cách là Chủ tịch Hội đồng quản trị đền thờ Lý Quốc Sư<sup>1</sup>, năm 1951 ông là kiến trúc sư chính phụ trách việc trùng tu (Durand, 1960: 181). Ông tham gia viết các bài tạp chí về văn hóa và khoa học bằng tiếng Việt, có một số bài viết trên tạp chí *Tri Tân*, như: “Tinh lý Hà Nội”, “Chuyện cụ Chu An”....

Năm 1947, EFEO mời ông phụ trách 3 số của Tập san song ngữ *Dân Việt Nam*, viết về các công trình hợp tác giữa những nhà khoa học Việt Nam và Pháp trong lĩnh vực sử học và khảo cổ học ở Việt Nam. Trần Hàm Tấn được đánh giá là một trong những người Việt Nam ưu tú đã làm việc tại EFEO (Durand, 1960). Ông có một số bài khảo cứu trên Tập san *Dân Việt Nam* như: “Le Temple des Deux Dames” (bản dịch từ tiếng Việt của Maurice Durand), “Đảo Ngọc”, “Chùa Lý Quốc Sư, khảo cứu lịch sử”, “Chùa Một Cột, sử học”. Ngoài ra, ông còn có *Sách thuốc phổ thông* (Tập sách thuốc chữa các bệnh thông thường), bản thảo chưa xuất bản, được gửi trong Thư viện của EFEO, số Q.4°44; *Phép luyện tập* (Quy tắc tập luyện thể dục của Đạo giáo), lưu tại Thư viện EFEO, số 40, 2453; *Đông Y tiết khảo* (Chính xác của đông y), bản thảo chưa xuất bản, lưu trong Thư viện của EFEO, số Q.4°45; “Nghiên cứu về Văn miếu”, *BEFEO*, XLV, Fasc.1;... (Durand, 1960: 181).

Tháng 3/1950, Trần Hàm Tấn được bổ nhiệm là trợ lý của EFEO và là Trưởng phòng Nho học cho tới khi EFEO bàn giao lại trụ sở cho chính quyền Việt Nam. Sau

khí nghỉ hưu tại EFEO (tháng 3/1951), ông vẫn tiếp tục hoàn thành các công việc hợp tác với EFEO cho đến khi mất (tháng 7/1957, tại Hà Nội).

**6. Nguyễn Văn Huyền<sup>2</sup> (1908-1975)<sup>3</sup>** là nhà dân tộc học, nhà giáo dục, nhà nghiên cứu văn hóa Việt Nam. Ông sinh tại Hà Nội, nguyên quán tại làng Lai Xá, xã Kim Chung, huyện Đan Phượng, phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Đông (nay thuộc huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội).

Nguyễn Văn Huyền là người đầu tiên được nhận làm thành viên khoa học (*membre scientifique*) của EFEO trong những năm 1938-1945. Sang Pháp từ năm 1926-1935, Nguyễn Văn Huyền nhận bằng Cử nhân Văn chương năm 1929, Cử nhân Luật năm 1931 và sau đó giảng dạy tại Trường Ngôn ngữ phương Đông (École des Langues Orientales), Paris từ năm 1932-1935; là người Việt Nam đầu tiên bảo vệ Luận án tiến sĩ Văn khoa ở Đại học Sorbonne năm 1934 với nghiên cứu *Les chants alternés des garçons et des filles en Annam* (Hát đối nam nữ ở Việt Nam) và nghiên cứu bổ sung *Introduction à l'étude de l'habitation sur pilotis dans l'Asie du Sud - Est* (Nghiên cứu bước đầu về cư dân ở nhà sàn tại Đông Nam Á). Hai nghiên cứu này đã được Geuthner tại Paris xuất bản và sau đó được EFEO tái bản. Về nước năm 1935, ông dạy học ở Trường Trung học Bảo hộ, sau đó làm việc tại EFEO; tham gia Hội đồng Nghiên cứu khoa học Đông Dương (1941-1945).

Nguyễn Văn Huyền đã cho ra đời các tác phẩm: *Les fêtes de Phu Dong* (Lễ hội Phù Đổng) (1938); *Vấn đề nông dân An Nam ở Bắc kỳ* (1939), *Les Man du Tonkin et leur habitation* (Người Mán ở Bắc kỳ và nhà ở của họ) (1943); *Le Kinh Bắc (Tableau de*

<sup>1</sup> một ngôi đền lịch sử thờ Phạm Ngũ Lão.

<sup>2</sup> Xem thêm: Phuong (2006); Ngô Thế Long (2008); Ngô Thế Long (2009); Ngô Thế Long, Trần Thái Bình (2009); Léon (1995); Nguyễn Thiệu Lâu (1970).

<sup>3</sup> Theo PGS.TS. Nguyễn Văn Huy, con trai của GS. Nguyễn Văn Huyền: ông Huyền sinh năm 1905.

*géographie administrative d'une ancienne province annamite*) (Địa lý hành chính Kinh Bắc) (1996); *La civilisation Annamite* (Nền văn minh Việt Nam) (1944). Sau này, nhà xuất bản Thế giới đã tập hợp những tiêu luận nghiên cứu bằng tiếng Pháp của Nguyễn Văn Huyền về Lễ - Tết - Hội, về tín ngưỡng, tâm thức tôn giáo của người Việt trong xã hội truyền thống và dịch sang tiếng Việt để xuất bản thành cuốn *Hội hè lễ tết của người Việt* (2017). Ông còn có nhiều bài viết bằng tiếng Pháp trên *BEFEO*, *BIIEH*, *Indochine Hebdomadaire Illustré (IHI)* và tiếng Việt trên *Thanh Nghị*.

Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, Nguyễn Văn Huyền giữ chức Giám đốc Đại học vụ kiêm Giám đốc Đông phương Bác cổ Học viện. Từ tháng 11/1946, ông giữ chức Bộ trưởng Bộ Quốc gia Giáo dục, sau này là Bộ Giáo dục, và ở cương vị này suốt 30 năm cho tới khi mất (ngày 19/10/1975). Nguyễn Văn Huyền đã được Nhà nước Việt Nam trao tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về khoa học xã hội và nhân văn đợt 2 năm 2000 với công trình *Góp phần nghiên cứu văn hóa Việt Nam* (2 tập). Tên ông được đặt cho một đường phố tại Hà Nội chạy ngang qua Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam.

### Kết luận

Có thể nói, các nhà khoa học Việt Nam đã từng làm việc tại EFEO đã góp phần không nhỏ trong các thành tựu của Học viện. Tại Hội thảo quốc tế *90 năm nghiên cứu về văn hoá và lịch sử Việt Nam* (Hà Nội, tháng 12/1992), giáo sư Léon Vandermeersch, Giám đốc EFEO giai đoạn 1989-1993, đã “nhấn mạnh sự đóng góp rất quan trọng của những nhà bác học Việt Nam ngay từ buổi đầu” của EFEO (Theo: Léon Vandermeersch, 1995: 27). Trong cuốn *Lịch sử một thế kỷ nghiên cứu: Viện Viễn Đông Bác cổ Pháp tại Việt Nam*, giáo sư Nguyễn Văn Khánh, nguyên Hiệu trưởng trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn (Đại học Quốc gia

Hà Nội) cũng đặc biệt nhấn mạnh: EFEO đã góp phần xây dựng một đội ngũ các nhà Việt Nam học quốc tế (chủ yếu là học giả Pháp), đồng thời tạo điều kiện đào tạo một thế hệ các nhà khoa học xã hội Việt Nam hiện đại trong thế kỷ XX, bắt đầu từ những tên tuổi như Nguyễn Văn Tô, Trần Văn Giáp, Trần Hàm Tấn, Nguyễn Văn Huyền,... (Xem: Tessier, 2014) □

### Tài liệu tham khảo

1. Lê Minh Anh (2017), *Nhà nghiên cứu Trần Văn Giáp*, <https://khoalichsu.ussh.vnu.edu.vn/nha-nghien-cuu-tran-van-giap/>, truy cập ngày 12 và ngày 15/7/2020.
2. *Annuaire administratif de l'Indochine 1935* (Niên giám hành chính Đông Dương), hiện đang được lưu giữ tại Thư viện Khoa học xã hội, ký hiệu kho: 8°1650.
3. *Bulletin de l'École française d'Extrême-Orient* (BEFEO) các số, hiện đang được lưu giữ tại Thư viện Khoa học xã hội, ký hiệu kho: 4°111.
4. *Bulletin de l'Institut indochinois pour l'étude de l'homme* (BIIEH), các số từ 1 đến 6, hiện đang được lưu giữ tại Thư viện Khoa học xã hội, ký hiệu kho: 4°2175.
5. Durand, Maurice (1960), “Trần-Hàm-Tấn (1887-1957)”, *Bulletin de l'École française d'Extrême-Orient*, Année 1960, Tome 50 N°1, pp. 178-181, [https://www.persee.fr/doc/befeo\\_0336-1519\\_1960\\_num\\_50\\_1\\_1521](https://www.persee.fr/doc/befeo_0336-1519_1960_num_50_1_1521), truy cập ngày 15/7/2020.
6. *Journal Officiel de l'Indochine* (Công báo Đông Dương) các số, hiện đang được lưu giữ tại Thư viện Khoa học xã hội, ký hiệu kho: 4°665.
7. Kleinen, John (2014), *Nguyễn Văn Khoan (1890-1975). An Odd Man out of Vietnamese Anthropology?*, <https://journals.openedition.org/moussons/3047>, truy cập ngày 15/7/2020.
8. Nguyễn Thiệu Lâu (1970), *Quốc sử tạp lục*, Nhà sách Khai Trí, Sài Gòn, <http://tusachtiengviet.com/images/file/>



- k1CxCcEM1AgQAH4B/quoc-su-tap-luc.pdf, truy cập ngày 15/7/2020.
9. Nguyễn Thiệu Lâu (1994), “Nhân ngày Tết trung nguyên tưởng nhớ tới Cụ Ứng Hòa Nguyễn Văn Tố”, trong: *Quốc sử tạp lục*, Nxb. Mũi Cà Mau, Cà Mau.
  10. Ngô Thế Long (2008), “Vietnam oriental institute during the period September 1945-December 1946 through document”, *Social Sciences Information Review*, Vol. 2, No. 2, pp. 37-41.
  11. Ngô Thế Long (2009), “Some features on Indochina Institute for Human Studies (1937-1944)”, *Social Sciences Information Review*, Vol. 3, No. 2, pp. 46-53.
  12. Ngô Thế Long, Trần Thái Bình (2009), *Học viện Viễn Đông Bác Cổ*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
  13. Ngô Thế Long (2014), “Viện Nghiên cứu về Con người Đông Dương (1937-1944)”, *Tạp chí Xưa và Nay*, số 453, tháng 11, tr. 21-25.
  14. Ngô Thế Long (2016), “Học giả Ứng Hòa Nguyễn Văn Tố”, *Tạp chí Thông tin Khoa học xã hội*, số 11, tr.17-27, <https://vjol.info.vn/index.php/ssir/article/view/27107>, truy cập ngày 15/7/2020.
  15. Lê Anh Minh (2017), *Nhà nghiên cứu Trần Văn Giáp*, <https://khoalichsu.ussh.vnu.edu.vn/nha-nghien-cuu-tran-van-giap/>, truy cập ngày 12/7/2019.
  16. Phuong, Ngoc Nguyen (2006), “Paul Mus et les “annamitisants” vietnamiens” (Paul Mus và những nhà Việt Nam học người Việt tại EFEO), trong: *L’espace d’un regard: Paul Mus et l’Asie (1902-1969)*, Les Indes savantes, Paris, pp. 165-168.
  17. Phuong, Ngoc Nguyen (2012), *À l’origine de l’anthropologie au Vietnam - Recherche sur les auteurs de la premi è re moiti é du Xxe si è cle*, Presses Universitaire de Provence, Paris.
  18. Tessier, Olivier (2014), *Lịch sử một thế kỷ nghiên cứu: Viện Viễn Đông Bác cổ Pháp tại Việt Nam*, Nxb. Tri thức, Hà Nội.
  19. Vũ Văn Thuán (chủ biên, 2020), *Nguyễn Văn Tố*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
  20. Léon Vandermeersch (1995), *90 năm nghiên cứu về văn hóa lịch sử Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
  21. *Việt Nam Dân quốc Công báo* các năm 1945, 1946, hiện đang được lưu giữ tại Thư viện Khoa học xã hội, ký hiệu kho: BV5.

(tiếp theo trang 64)

*Thứ tư*, Quảng Ninh là tỉnh có độ mở kinh tế lớn và có tính liên kết cao nên chịu ảnh hưởng không nhỏ bởi dịch Covid-19, do đó cần có những điều chỉnh sớm và mạnh mẽ để khôi phục, ổn định và phát triển các hoạt động kinh tế, nhất là các ngành kinh tế mũi nhọn, có độ mở lớn gắn với chiến lược sống chung an toàn với dịch Covid-19, chẳng hạn như ngành du lịch. *Thứ năm*, cần nhanh chóng xử lý các vấn đề xã hội do hệ lụy của dịch Covid-19, đặc biệt là vấn đề lao động - việc làm, thu nhập và mức sống của người dân, an sinh xã hội, giáo dục và y tế. *Thứ sáu*, cần

hợp tác chủ động và bền vững với nền kinh tế lớn của thế giới kề cận Việt Nam là Trung Quốc, bảo đảm vừa khai thác được lợi thế trong hợp tác với nước lớn nhưng vừa có các biện pháp chủ động để phòng ngừa rủi ro.

Những ý kiến đóng góp, đề xuất, trao đổi tại Hội thảo là những căn cứ giúp tỉnh Quảng Ninh đánh giá đúng lợi thế so sánh, phát huy và khai thác các tiềm năng, thế mạnh của địa phương, gợi mở nhiều vấn đề có tính chiến lược phát triển đối với tỉnh; đồng thời giúp định hướng hoạt động khoa học, tư vấn chính sách của Viện Thông tin KHXH trong thời gian tới.

PV.